**Phụ lục V**

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, LIÊN KẾT VÙNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

| **STT** | **Nhiệm vụ** | **Thời gian hoàn thành lập Chương trình, Đề án** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Chương trình, đề án quan trọng tỉnh Đồng Tháp chủ trì** |  |  |
|  | Lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Năm 2026 | Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan |
|  | Đề án phát triển kinh tế ban đêm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Năm 2025 |  |
|  | Đề án huy động vốn đầu tư toàn xã hội đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án tổng thể “Xây dựng Đồng Tháp trở thành tỉnh tiên phong, kiểu mẫu về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” | Năm 2024 | - Cơ quan thực hiện: Sở NN&PTNT  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 | Quyết định số 752/QĐ-UBND-HC ngày 13/7/2022 của UBND Tỉnh | - Tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh khi cần thiết  - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án Phát triển công nghiệp chế biến chuyên sâu kết hợp phát triển ngành công nghiệp chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 | Năm 2024 | - Căn cứ đề xuất: Quyết định số 752/QĐ-UBND-HC ngày 13/7/2022 của UBND Tỉnh.  - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án phát triển ngành Thương mại tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 | Năm 2024 | - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 | Quyết định số 1439/QĐ-UBND.HC ngày 29/12/2022 củaUBND Tỉnh | Tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh khi cần thiết |
|  | Đề án phát triển du lịch, góp phần tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến 2030 | Quyết định số 1356/QĐ-UBND-HC ngày 28/12/2023 của UBND Tỉnh | Tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh khi cần thiết |
|  | Đề án xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục Đào tạo  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án triển khai Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án Chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp | Quyết định số 861/QĐ-UBND -HC ngày 05/8/2022 của UBND Tỉnh | Tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh khi cần thiết |
|  | Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 | Năm 2025 | Phối hợp với Bộ Xây dựng |
|  | Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025 | Năm 2024 | Phối hợp với Bộ Nội vụ |
|  | Đề án sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2026-2030 | 2026 - 2030 | Phối hợp với Bộ Nội vụ |
|  | Xây dựng Đề án điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt khu vực đầu nguồn và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở NN&PTNT  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Xây dựng Đề án nghiên cứu sạt lở sông Tiền, sông hậu và hệ thống kênh nội đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở NN&PTNT  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Xây dựng Đề án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai chi tiết giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến 2050 phục vụ phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển thượng nguồn và nước biển dâng | Năm 2025 | - Cơ quan thực hiện: Sở NN&PTNT  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
|  | Đề án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, chính quyền số, chuyển đổi số | Năm 2026 | - Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin Truyền thông  - Cấp phê duyệt: UBND Tỉnh |
| **II** | **Chương trình, đề án tỉnh Đồng Tháp được giao phối hợp** |  |  |
|  | Triển khai Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 2023 - 2030 | Phối hợp Bộ, ngành Trung ương và địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long |
|  | Triển khai thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030 | 2026 - 2030 | Phối hợp với UBND Thành phố Hồ Chí Minh |
|  | Triển khai thỏa thuận Hợp tác phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư giữa tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 | 2026 - 2030 | Phối hợp với UBND tỉnh An Giang |
|  | Đề án hoàn chỉnh Bệnh viện Đa khoa vùng tại Đồng Tháp | 2026 - 2030 | Phối hợp với Bộ Y tế (chủ trì) |
|  | Đề án thành lập Trung tâm đầu mối ở Đồng Tháp gắn với gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt | 2026 - 2030 | Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ trì) |

Ghi chú: Tên, kinh phí xây dựng Đề án, Chương trình sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập Đề án, Chương trình

**Phụ lục VI**

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

**THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

| **STT** | **Tên dự án** | **Phân kỳ đầu tư** | | **Nguồn vốn dự kiến** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2021-2025** | **2026-2030** |
| **I** | **Nâng cao giá trị gia tăng ngành nông nghiệp** |  |  |  |  |
| 1 | Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 2 | Dự án Trạm nhân giống vật nuôi chất lượng cao đồng bằng sông Cửu Long | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 3 | Dự án Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 4 | Hạ tầng phục vụ sản xuất vùng xoài | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 5 | Hình thành không gian làm việc chung (co-working space) với những chức năng hỗ trợ phù hợp với sự hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Tỉnh | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 6 | Dự án hỗ trợ phát triển Nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ cao (phục vụ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ công nghiệp phục vụ nông nghiệp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 7 | Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long – tỉnh Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 8 | Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| **II** | **Nâng cấp hạ tầng giao thông** |  |  |  |  |
| **1** | **Các tuyến Cao tốc** |  |  |  |  |
| **1.1** | **Cao tốc Bắc Nam phía Đông** |  |  |  |  |
| - | Đoạn Mỹ Thuận – Cần Thơ, quy mô 04 làn xe | x |  | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| **1.2** | **Cao tốc Bắc Nam phía Tây** |  |  |  |  |
| - | Đoạn từ Tân Thạnh (Long An) – Mỹ An (Đồng Tháp) | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| - | Đoạn từ Mỹ An – Nút giao An Bình (Đồng Tháp)  (dự án Đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ An – Cao Lãnh, giai đoạn 1)[[1]](#footnote-1) | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg;  Quyết định số 2023/QĐ-TTg và Quyết định số 1730/QĐ-TTg; Quyết định số 63/QĐ-BGTVT |
| - | Đoạn từ Nút giao An Bình (Đồng Tháp) – Lộ Tẻ (Cần Thơ)  (Dự án đầu tư nâng cấp tuyến Cao Lãnh – Lộ Tẻ trên địa phận tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ để tổ chức lại giao thông)[[2]](#footnote-2) | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| **1.3** | **Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh** |  |  |  |  |
| - | Đoạn từ Cao Lãnh – An Hữu, quy mô 4 làn xe (dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh – An Hữu, giai đoạn 1)[[3]](#footnote-3) | x |  | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| - | Đoạn từ cửa khẩu Dinh Bà – Cao Lãnh |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| - | Đoạn từ cao tốc Bắc Nam phía Đông – Ranh Vĩnh Long – Đồng Tháp thuộc đoạn An Hữu – Trà Vinh |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 816/QĐ-TTg  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| **2** | **Các tuyến Quốc lộ** |  |  |  |  |
| **2.1** | **Quốc lộ 30** |  |  |  |  |
| - | Đầu tư xây dựng Quốc lộ 30 đoạn Hồng Ngự - Dinh Bà, tỉnh Đồng Tháp chiều dài khoảng 18,5km; quy mô cấp III đồng bằng[[4]](#footnote-4) (Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Hồng Ngự - Dinh Bà; chiều dài dự kiến 18,5km; quy mô cấp III đồng bằng theo QĐ 816) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| - | Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Đầu tư tuyến tránh Cao Lãnh[[5]](#footnote-5)) chiều dài khoảng 14,5km; quy mô cấp III đồng bằng (Đầu tư tuyến tránh Cao Lãnh (thuộc dự án Nâng cấp Quốc lộ 30 Cao Lãnh – Hồng Ngự); chiều dài khoảng 14,5km; quy mô cấp III đồng bằng theo QĐ 816) | x |  | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| 2.2. | Đầu tư xây dựng Quốc lộ N1 qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp và cầu Tân Châu - Hồng Ngự |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg  Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 39/QĐ-TTg (\*) |
| 2.3 | Đầu tư xây dựng, nâng cấp Quốc lộ 80B đạt tiêu chuẩn cấp III với 2 - 4 làn xe |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 2.4 | Đầu tư xây dựng, nâng cấp Quốc lộ 30B đạt tiêu chuẩn cấp III với 2 - 4 làn xe |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg;  Quyết định số 39/QĐ-TTg |
| 2.5 | Đầu tư xây dựng, nâng cấp Quốc lộ 30C đạt tiêu chuẩn cấp III với 2 - 4 làn xe |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg; |
| 2.6 | Đầu tư xây dựng Quốc lộ 54 đạt tiêu chuẩn cấp III với 2 - 4 làn xe |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1454/QĐ-TTg; |
| 2.7 | Dự án nâng cấp Quốc lộ 80 |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| 2.8 | Đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống cầu có tải trọng thấp trên Quốc lộ 80 |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg |
| 3 | Các tuyến liên tỉnh |  |  |  |  |
| 3.1 | Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang); quy mô dự kiến cấp III – IV đồng bằng | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| 3.2 | Tuyến Khánh Bình - Chợ Mới (An Giang) - Lấp Vò (Đồng Tháp); quy mô dự kiến cấp III – IV đồng bằng |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg |
| 4 | Các tuyến đường tỉnh |  |  |  |  |
| 4.1 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh hiện trạng: ĐT.841, ĐT.842, ĐT.843, ĐT.844, ĐT.845, ĐT.846, ĐT.848, ĐT.849, ĐT.850, ĐT.851, ĐT.852, ĐT.852B, ĐT.853, ĐT.854, ĐT.855, ĐT.856, ĐT.857, vành đai ĐT.848,… | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 4.2 | Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường tỉnh: ĐT.843B, ĐT.844 (mới), ĐT.845, ĐT.846 (mới), ĐT.846B, ĐT.847, ĐT.848 (mới), ĐT.848B, vành đai ĐT.848, ĐT.849B, ĐT.851B, ĐT.852B, ĐT.852C, ĐT.853B, ĐT.854 (mới), ĐT.854B, ĐT.855 (mới), ĐT.855B, ĐT.856B, ĐT.856, ĐT.857,… | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 4.3 | Đầu tư xây dựng mới các cầu bắc qua sông, kênh ranh 02 tỉnh (Đồng Tháp – Long An; Đồng Tháp-An Giang,..) để kết nối vùng |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg |
| 5 | Giao thông thủy nội địa, cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hành khách |  |  |  |  |
| 5.1 | Đầu tư nâng cấp kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền. | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg;  Quyết định số 1829/QĐ-TTg |
| 5.2 | Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ (cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia) giai đoạn I và giai đoạn II | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 816/QĐ-TTg |
| 5.3 | Đầu tư xây dựng Khu bến trên sông Tiền đảm bảo tiếp nhận được tàu có trọng tải 5.000 tấn (các bến cảng Cao Lãnh, Sa Đéc, Thường Phước) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1579/QĐ-TTg;  Quyết định số 287/QĐ-TTg; Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| 5.4 | Đầu tư xây dựng Khu bến Lấp Vò (Thượng lưu, Hạ lưu cầu Vàm Cống) đảm bảo tiếp nhận tàu trọng tải đến 10.000 tấn |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 1579/QĐ-TTg Quyết định số 287/QĐ-TTg; Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| 5.5 | Đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa (cảng sông Sa Đéc, Phong Hòa, Hồng Ngự, Tân Mỹ, Cao Lãnh 3) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| 5.6 | Đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hành khách (cảng hành khách Cao Lãnh, Sa Đéc 1, Sa Đéc 2, Hồng Ngự) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| 6 | Cảng hàng không, sân bay: Sân bay chuyên dùng (Huyện Hồng Ngự, thành phố Sa Đéc, Bắc sông Tiền) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| 7 | Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bến xe cấp tỉnh tại các khu đô thị, đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh (khu vực huyện Hồng Ngự, Tháp Mười, thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg; |
| III | Phát triển công nghiệp- năng lượng |  |  |  |  |
| 1 | Lập Quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp kết hợp với di dời cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kiểm soát phát thải. | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 2 | Lập quy hoạch và Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 3 | Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển dự án năng lượng tái tạo từ rác thải, sinh khối | x | x | Thu hút đầu tư tư nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp |  |
| 4 | Khuyến khích, thu hút đầu tư các dự án điện năng lượng mặt trời kết hợp sản xuất nông nghiệp; điện mặt trời mái nhà | x | x | Thu hút đầu tư tư nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp |  |
| 5 | Tập trung đầu tư, cải tạo, nâng công suất các trạm biến áp 110kV, đường dây truyền tải và các lộ ra các trạm 220kV, 110kV | x | x | Ngành điện |  |
| IV | Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực |  |  |  |  |
| 1 | Lập quy hoạch khu chức năng Làng đại học tỉnh Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 2 | Khuyến khích đầu tư các trường phổ thông tư thục nhiều cấp học đào tạo theo chuẩn quốc tế | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 3 | Chương trình đào tạo nguồn nhân lực | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 4 | Xây dựng và đưa vào hoạt động Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 5 | Dự án Trung hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 6 | Dự án Trường Trung học phổ thông thành phố Hồng Ngự. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 7 | Chương trình Nâng cấp, mở rộng các trường trung học phổ thông. | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| V | Cải thiện hạ tầng văn hóa - xã hội |  |  |  |  |
| 1 | Đầu tư xây dựng, nâng cấp bệnh viện đa khoa vùng tại Đồng Tháp. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị các bệnh viện tuyến tỉnh đạt chuẩn hạng II. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 3 | Bệnh viện Sản nhi Đồng Tháp. | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 4 | Nâng cấp, cải tạo các cơ sở, trụ sở cơ quan y tế tuyến tỉnh và các huyện, thành phố đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 5 | Xây mới Trung tâm Y tế thành phố: Sa Đéc, Cao Lãnh, Hồng Ngự, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Xây mới Bệnh viện Bệnh nhiệt đới. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 6 | Xây dựng nhà bảo tàng Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 7 | Tu bổ, tôn tạo và Phát huy giá trị các khu di tích: KDT Nguyễn Sinh Sắc, KDT Xẻo Quít, KDT Quốc gia đặc biệt Gò Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 8 | Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trên địa bàn Tỉnh |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 9 | Tôn tạo và phát huy Danh thắng Vườn Quốc gia Tràm Chim (khu vực Ramsar) |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| VI | Cải thiện môi trường và phòng chống biến đổi khí hậu |  |  |  |  |
| 1 | Mở rộng Trung tâm công nghệ xử lý môi trường Mỹ Thọ | x | x | Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | - Tên dự án theo quyết định số 1088/QĐ-UBND-ND ngày 10/10/2022 của UBND Tỉnh. Tên theo Quyết định 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ là “Khu xử lý chất thải Đập Đá, huyện Cao Lãnh  - Nguồn vốn được điều chỉnh tiến độ dự án theo nguồn vốn đầu tư dự án. |
| 2 | Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu chôn lấp hợp vệ sinh cho các xã cù lao tại huyện Thanh Bình và huyện Hồng Ngự | x | x | Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. | - Nguồn vốn được điều chỉnh tiến độ dự án theo nguồn vốn đầu tư dự án. |
| 3 | Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung Bình Thạnh, thành phố Hồng Ngự | x | x | Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác | - Nguồn vốn được điều chỉnh tiến độ dự án theo nguồn vốn đầu tư dự án. |
| 4 | Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục chất lượng nước mặt, không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | x | x | Ngân sách nhà nước. |  |
| 5 | Dự án Kè chống sạt lở tại các nơi xung yếu dọc bờ sông Tiền và các nơi xung yếu khác | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 6 | Dự án Gia cố sạt lở kênh Đốc Phủ Hiền thuộc xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc; rạch Nha Mân Tư Tải và rạch Xẻo Mát - Cái Vồn thuộc huyện Châu Thành; | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 7 | Dự án Phòng chống sạt lở kết hợp chỉnh trang và phát triển đô thị ven kênh Nguyễn Văn Tiếp A, kênh Tư Mới và kênh Phước Xuyên | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 8 | Kè Hổ Cứ (đoạn từ chân cầu Cao Lãnh đến vàm Long Hồi, thành phố Cao Lãnh) | x |  | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 9 | Xử lý sạt lở khu vực đầu cù lao Châu Ma (Cù Lao Tây), xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác |  |
| 10 | Cải tạo và nâng cấp kênh Tân Thành – Lò Gạch |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 11 | Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển vùng cây ăn trái Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 12 | Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 13 | Cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tiền qua sông hậu gồm: kênh Nha Mân Tư Tải, kênh Mương Khai Đốc Phủ Hiền, kênh Xã Trầu- Sóc Tro, kênh Xáng Sa Đéc – Lấp Vò |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 14 | Hoàn thiện hệ thống đê bao (cống, trạm bơm, …) kiểm soát lũ tháng 8, kiểm soát lũ chủ động, kiểm soát lũ triệt để |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 15 | Xây dựng và nâng cấp các trạm bơm điện theo hướng ô bao lớn và điện 3 pha |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 16 | Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới đập dâng thủy lợi |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 17 | Kiên cố, cứng hóa các tuyến kênh sau trạm bơm |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 18 | Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 19 | Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh trục có tính chất liên vùng |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 20 | Xây dựng các hồ chứa nước ngọt nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 21 | Nâng cấp cơ sở hạ tầng chống chịu với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và chuyển đổi tổng hợp vừng đồng bằng sông Cửu Long – tỉnh Đồng Tháp |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 22 | Xây dựng hệ thống kiểm soát lũ và điều tiết nguồn nước tại vùng Đồng Tháp Mười, cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình thoát lũ ra sông Tiền |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 23 | Kè hóa, xử lý chống sạt lở bờ sông Tiền, khu vực các đô thị, các khu dân cư tập trung và các khu vực xung yếu khác |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| 24 | Đầu tư các trạm quan trắc nước mặt; quan trắc không khí tự động, liên tục. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác |  |
| **VI** | **Phát triển đô thị, dịch vụ, thương mại và Logistics** |  |  |  |  |
| 1 | Trung tâm logistics chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp |  | x | Thu hút đầu tư của tư nhân |  |
| 2 | Kho chứa hàng hóa - logistics; kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ cửa khẩu quốc tế Dinh Bà, Thường Phước, … |  | x | Thu hút đầu tư của tư nhân |  |
| 4 | Phát triển trung tâm thương mại tại các đô thị. | x | x | Thu hút đầu tư của tư nhân |  |
| 5 | Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt là các dự án đô thị sinh thái, thông minh. | x | x | Thu hút đầu tư của tư nhân |  |
| 6 | Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của chính quyền số; phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; đảm bảo an toàn an ninh thông tin. |  | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg |
| 7 | Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; Đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh. | x | x | Vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động hợp pháp khác | Quyết định số 39/QĐ-TTg |
| **VII** | **Hạ tâng cấp nước nông thôn** |  |  |  |  |
| **1** | **Dự án đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp** |  |  |  |  |
| 1.1 | Nâng cấp và mở rộng trạm cấp nước Chòi Mòi, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng | x |  | Ngân sách Trung ương, vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác | Quyết định phê duyệt số 294/QĐ-UBND-HC ngày 14/03/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp. |
| 1.2 | Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn Tân Hưng, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình | x |  |  |  |
| 1.3 | Xây dựng hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình | x |  |  |  |
| 1.4 | Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn Trạm cấp nước xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh | x |  |  |  |
| **2** | **Dự án thành phần số 7: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Đồng Tháp thuộc Dự án công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.** |  |  |  |  |
| 2.1 | Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười | x |  | Ngân sách Trung ương do Bộ NN&PTNT quản lý | Quyết định phê duyệt số 1963/QĐ-BNN-TL ngày 19/05/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2.2 | Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung liên xã Hưng Thạnh-Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười | x |  |  |  |
| 2.3 | Xây dựng mới công trình cấp nước sạch tập trung liên xã Gáo Giồng – Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh | x |  |  |  |
| 2.4 | Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung Cà Vàng xã Thông Bình, huyện Tân Hồng | x |  |  |  |
| 2.5 | Công trình tuyến ống cấp nước truyền tải xã Phú Hiệp huyện Tam Nông | x |  |  |  |
| **3** | **Dự án mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính của Dự án thành phần số 7** |  |  |  |  |
| 3.1 | Xây dựng tuyến ống phân phối và tuyến ống nhánh sau tuyến ống chính xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười | x |  | Ngân sách nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ (vốn xổ số kiến thiết) | Quyết định số 1202/QĐ-UBND.HC ngày 21/11/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp |
| 3.2 | Xây dựng tuyến ống phân phối và tuyến ống nhánh sau tuyến ống chính liên xã Hưng Thạnh-Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười | x |  |  |  |
| 3.3 | Xây dựng tuyến ống phân phối và tuyến ống nhánh sau tuyến ống chính liên xã Gáo Giồng – Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh | x |  |  |  |
| 3.4 | Xây dựng tuyến ống phân phối và tuyến ống nhánh sau tuyến ống chính thuộc công trình tuyến ống cấp nước truyền tải xã Phú Hiệp huyện Tam Nông | x |  |  |  |
| 3.5 | Xây dựng tuyến ống phân phối và tuyến ống nhánh sau tuyến ống chính Cà Vàng xã Thông Bình, hòa mạng chung với công trình cấp nước tập trung xã Bình Phú huyện Tân Hồng | x |  |  |  |

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

1. Theo Quyết định số 2203/QĐ-TTg ngày 27/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 63/QĐBGTVT ngày 19/01/2024 của Bộ GTVT [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Quyết định số 1232/QĐ-BGTVT ngày 26/9/2022 của Bộ Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Quyết định số 969/QĐ-BGTVT ngày 30/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo Quyết định số 136/QĐ-BGTVT ngày 21/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-5)